



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU
PHAN THIẾT**

*Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán*

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011	06 - 07
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	08 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	09 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2011	10 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng (không phải là báo cáo tài chính hợp nhất) của Công ty cho năm tài chính 2011 kết thúc ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08/07/2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22/09/2002, thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư ngày 31/10/2007.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất quần áo may sẵn, may gia công, dịch vụ thương mại, xây dựng và đầu tư.

Vốn góp tại ngày 31/12/2011 là 15.165.400.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 282 Nguyễn Hội, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Công ty có hai công ty con:

- Công ty TNHH May Phú Long. Địa chỉ: Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận.
- Công ty TNHH May Phú Long 2. Địa chỉ: Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị Công ty

Ông	HUYỀN VĂN NGHI	Chủ tịch
Ông	NGUYỄN QUỐC BÌNH	Phó Chủ tịch
Bà	HUYỀN MỸ LINH	Thành viên
Ông	ĐỖ NGUYỄN THY LINH	Thành viên
Bà	NGUYỄN THỊ PHỤNG	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông	HUYỀN VĂN NGHI	Tổng Giám đốc
Ông	TRỊNH DOÃN PHƯỚC	Phó Tổng Giám đốc
Bà	HUYỀN MỸ LINH	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2011 của Công ty.



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính này tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 03 tháng 01 năm 2012

TM. BAN GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc



HUỖNH VĂN NGHI

Số 31 BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được lập ngày 03/01/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của **Tổng Giám đốc Công ty**. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Trong năm tài chính 2011 Công ty đã ghi nhận tăng 3.000.000.000 đồng khoản mục vốn khác của chủ sở hữu từ nguồn của Công ty con chuyển về nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ (bảo toàn vốn - theo thuyết trình của Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết). Việc phê duyệt liên quan theo pháp lý của nghiệp vụ này sẽ được đưa ra và quyết định tại Đại hội cổ đông thường niên tổ chức sau ngày phát hành báo cáo kiểm toán này.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và những ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2012

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Tổng Giám Đốc



LÊ VĂN TUẤN

Chứng chỉ KTV số 0479/KTV

Kiểm Toán Viên

NGUYỄN VŨ

Chứng chỉ KTV số 0699/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.166.192.274	8.120.884.863
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24.107.175.980	6.982.265.436
1. Tiền	111	V.01	3.096.175.980	982.265.436
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.02	21.011.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III. Các khoản phải thu	130		4.911.130.450	511.143.954
1. Phải thu của khách hàng	131		966.563.538	318.152.260
2. Trả trước cho người bán	132		3.230.000.000	
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	714.566.912	192.991.694
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		399.605.031	370.755.439
1. Hàng tồn kho	141	V.04	399.605.031	370.755.439
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		748.280.813	256.720.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.155.090	130.570.650
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		713.240.730	118.911.262
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	24.884.993	7.238.122
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.249.647.440	27.645.037.382
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.503.388.505	7.608.731.319
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	9.811.239.634	4.823.358.519
- Nguyên giá	222		25.569.872.619	19.334.972.532
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.758.632.985)	(14.511.614.013)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.757.703.200	2.785.372.800
- Nguyên giá	228		3.009.035.400	3.009.035.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(251.332.200)	(223.662.600)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	6.934.445.671	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		16.592.775.412	19.792.775.412
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	8.000.000.000	8.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	8.592.775.412	11.792.775.412
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		153.483.523	243.530.651
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	153.483.523	243.530.651
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		66.415.839.714	35.765.922.245



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.835.325.391	16.356.395.567
I. Nợ ngắn hạn	310		12.458.450.737	4.561.069.463
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	5.000.000.000	95.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.045.421.289	675.816.213
3. Người mua trả tiền trước	313			200.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	1.391.449.121	216.829.239
5. Phải trả người lao động	315		5.369.000.155	3.261.891.934
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	41.177.782	111.532.077
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(388.597.610)	-
II. Nợ dài hạn	330		29.376.874.654	11.795.326.104
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	29.316.048.062	11.792.775.412
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		60.826.592	2.550.692
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.580.514.323	19.409.526.678
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	24.580.514.323	19.409.526.678
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.165.400.000	15.165.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.700.000	2.700.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.000.000.000	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(38.473.280)	(23.457.062)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.525.389.823	982.962.548
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		132.078.270	132.078.270
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.793.419.510	3.149.842.922
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		66.415.839.714	35.765.922.245

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

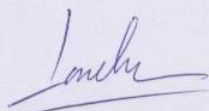
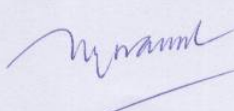
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ		119.937,20	50.416,08

Ngày 03 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


Trương Thị Lan Chi

Ngô Thị Nam

Huyền Văn Nghi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính : VND

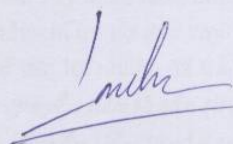
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	42.613.917.950	36.040.942.709
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.613.917.950	36.040.942.709
4. Giá vốn hàng bán	11		32.953.073.856	30.711.726.982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.660.844.094	5.329.215.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	1.488.999.144	440.802.487
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	555.401.556	356.910.708
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		360.657.224	189.111.969
8. Chi phí bán hàng	24		159.360.000	1.209.944.118
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.448.043.846	1.807.990.153
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.987.037.836	2.395.173.235
11. Thu nhập khác	31		100.000	14.243.986
12. Chi phí khác	32		4.619.205	1.694.306
13. Lợi nhuận khác	40		(4.519.205)	12.549.680
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.982.518.631	2.407.722.915
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.20	1.397.749.121	602.354.305
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.584.769.510	1.805.368.610
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21	4.342	1.190

Ngày 03 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





Trương Thị Lan Chi

Ngô Thị Nam

Huỳnh Văn Nghi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

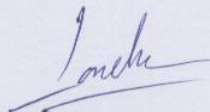
Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.982.518.631	2.407.722.915
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.274.688.572	1.338.943.718
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(926.160.248)	(29.815.743)
- Chi phí lãi vay	06		360.657.224	189.111.969
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.691.704.179	3.905.962.859
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(5.011.962.835)	8.955.523.871
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(28.849.592)	(52.808.389)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.264.634.902	(1.004.021.891)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		210.462.688	(104.695.458)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(360.657.224)	(189.111.969)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(216.829.239)	(1.046.459.885)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.462.650.000	5.283.784
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.137.040.059)	(399.497.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.874.112.820	10.070.175.279
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.701.352.279)	(1.794.566.233)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.573.216.717)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			2.820.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			29.815.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.274.568.996)	1.055.249.510
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25.830.000.000	8.523.890.659
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.200.000.000)	(13.434.940.112)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.066.160.000)	(1.137.405.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.563.840.000	(6.048.454.453)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.163.383.824	5.076.970.336
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.982.265.436	1.928.752.162
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(38.473.280)	(23.457.062)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.22	24.107.175.980	6.982.265.436

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 03 tháng 01 năm 2012




Trương Thị Lan Chi

Ngô Thị Nam



Tổng Giám Đốc

Huỳnh Văn Nghi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 1672/QĐ-CTUBBT ngày 08/07/2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22/09/2002, thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư ngày 31/10/2007.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất quần áo may sẵn, may gia công, dịch vụ thương mại, xây dựng và đầu tư.

Vốn góp tại ngày 31/12/2010 là 15.165.400.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 282 Nguyễn Hội, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Công ty có hai công ty con:

- Công ty TNHH May Phú Long. Địa chỉ: Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận.
- Công ty TNHH May Phú Long 2. Địa chỉ: Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ trong kế toán

1. Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực ban hành kèm theo. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền và công nợ phải thu tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động trong năm.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình biến đổi nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	49 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

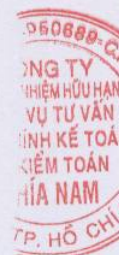
Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và chênh lệch do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

11. Các bên liên quan:

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch giữa các bên liên quan: Là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan đã được chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	31.141.469	5.999.283
- Tiền gửi ngân hàng	3.065.034.511	976.266.153
+ Ngân hàng Ngân hàng Công thương - CN Bình Thuận	3.047.018.234	976.266.153
+ Ngân hàng Sacombank	14.769.156	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển CN Bình Thuận	3.247.121	
Cộng	3.096.175.980	982.265.436

2. Các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Công thương - CN Bình Thuận	21.011.000.000	3.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển CN Bình Thuận		3.000.000.000
Cộng	21.011.000.000	6.000.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền ăn ca phải thu người lao động	9.832.000	9.409.000
- Bảo hiểm tai nạn 2011	175.000	23.000
- Bảo hiểm xã hội 2011	70.633.535	51.998.496
- Bảo hiểm y tế 2010	-	14.157.370
- Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân		3.431.650
- Tiền gửi vào thẻ VIB để thanh toán CP hải quan	1.002.141	875.684
- Bảo hiểm thất nghiệp 2011	9.368.057	10.113.002
- Tiền mua phần quà cho công nhân	622.556.179	
- Tiền ký quỹ may PLG 2	1.000.000	
- Phải thu do chi vượt quỹ khen thưởng phúc lợi		102.983.492
Cộng	714.566.912	192.991.694

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	388.833.431	370.755.439
- Công cụ, dụng cụ	10.771.600	
Cộng giá gốc hàng tồn kho	399.605.031	370.755.439

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	24.884.993	7.238.122

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	6.613.762.313	12.167.044.487	217.493.991	336.671.741	19.334.972.532
- Mua trong năm		5.992.261.370	709.090.909		6.701.352.279
- Giảm trong năm		466.452.192			466.452.192
Số dư cuối năm	6.613.762.313	17.692.853.665	926.584.900	336.671.741	25.569.872.619
II- Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.542.361.800	9.532.413.683	217.493.991	219.344.539	14.511.614.013
- Khấu hao trong năm	241.326.008	1.372.075.513	68.939.395	31.130.248	1.713.471.164
- Thanh lý		466.452.192			466.452.192
Số dư cuối năm	4.783.687.808	10.438.037.004	286.433.386	250.474.787	15.758.632.985
III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	2.071.400.513	2.634.630.804	-	117.327.202	4.823.358.519
Tại ngày cuối năm	1.830.074.505	7.254.816.661	640.151.514	86.196.954	9.811.239.634

(*) Đến hết ngày 31/12/2011, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng: 12.862.300.123 đ

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Quyền sử dụng đất Phú Long	Quyền sử dụng đất - VPĐD	Quyền sử dụng đất Công ty	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1- Số dư đầu năm			1.653.225.000	1.355.810.400	3.009.035.400
2- Số tăng trong năm			-	-	-
3- Số giảm trong năm			-	-	-
4- Số dư cuối năm	-	-	1.653.225.000	1.355.810.400	3.009.035.400
II- Giá trị hao mòn lũy kế					
1- Số dư đầu năm			-	223.662.600	223.662.600
2- Khấu hao trong năm			-	27.669.600	27.669.600
3- Giảm trong năm					-
4- Số dư cuối năm	-	-	-	251.332.200	251.332.200
III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1- Tại ngày đầu năm	-	-	1.653.225.000	1.132.147.800	2.785.372.800
2- Tại ngày cuối năm	-	-	1.653.225.000	1.104.478.200	2.757.703.200

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí XDCB dở dang	6.934.445.671	-
Trong đó:		
+ Công trình nhà nghỉ công nhân	5.957.656.181	
+ Công trình xưởng may Phú Long 2	976.789.490	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

9. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH May Phú Long	8.000.000.000	8.000.000.000

Đây là khoản 8.000.000.000 đồng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH May Phú Long - công ty con do Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết chiếm 100% vốn chủ sở hữu.

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cho công ty TNHH May Phú Long vay	8.592.775.412	11.792.775.412

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí vật tư dây điện trạm biến áp	23.638.886	
- Chi phí phòng trưng bày sản phẩm	41.338.949	50.963.091
- Chi phí mái che máy phát điện, kho PL	20.764.682	74.410.121
- Chi phí sửa chữa nhà kho, phòng sấy, lót nền	67.741.006	118.157.439
Cộng	153.483.523	243.530.651

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn VND (*)	5.000.000.000	95.000.000

(*) Khoản vay tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Bình Thuận theo hợp đồng tín dụng số 1123009/HDTD ngày 13/08/2011. Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức từ ngày 13/08/2011 đến ngày 13/08/2012; lãi suất cho vay VND là 16,5%/năm, đảm bảo tiền vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1123009/HDTTC ngày 30/06/2010, Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 27/04/2010 và các phụ kiện hợp đồng, ngoài ra, Ngân hàng có quyền thu hồi nợ từ doanh thu bán hàng của các đơn hàng gia công cho khách hàng Itochu và Xebec.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.391.449.121	216.829.239
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Cộng	1.391.449.121	216.829.239

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ được Cơ quan Thuế kiểm tra theo quy định. Sau khi có Biên bản kiểm tra của Cơ quan Thuế, những phát sinh chênh lệch (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh vào giai đoạn sau.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	1.627.871	59.287.252
- Bảo hiểm y tế	5.197.561	768.228
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	
- Kinh phí công đoàn	8.950.692	50.149.597
- Ốm đau thai sản	22.636.325	
- Phải nộp quỹ khuyến học	712.000	
- Phải trả, phải nộp khác	2.053.333	1.327.000
Cộng	41.177.782	111.532.077

15. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngân hàng (*)	8.592.775.412	11.792.775.412
- Vay khách hàng Itochu (**)	20.723.272.650	
Cộng	29.316.048.062	11.792.775.412

(*) Đây là khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bình Thuận theo Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 04/2007/HĐTD ngày 05/10/2007. Tiền vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục xây lắp và thiết bị của dự án; thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ; lãi suất trong hạn 8,4%/năm. Đảm bảo tiền vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 06/2007/HĐTCTS-TL ngày 05/10/2007.

(**) Đây là khoản vay 1,000,000 USD của khách hàng Itochu cho công ty vay để đầu tư xây dựng Nhà máy may Phú Long 2, tại Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc theo bản thỏa thuận cho vay được ký ngày 21/02/2011. Tiền vay được sử dụng để đầu tư các hạng mục xây lắp và thiết bị của dự án; thời hạn cho vay là 56 tháng; lãi suất 4,5%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu năm trước	15.165.400.000		2.700.000	(239.811.568)	982.962.548	132.078.270	2.939.464.239	18.982.793.489
- Lợi nhuận tăng trong năm							1.805.368.610	1.805.368.610
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(457.584.927)	(457.584.927)
- Chia cổ tức							(1.137.405.000)	(1.137.405.000)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện				(23.457.062)				(23.457.062)
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái				239.811.568				239.811.568
- Số dư cuối năm trước	15.165.400.000	-	2.700.000	(23.457.062)	982.962.548	132.078.270	3.149.842.922	19.409.526.678
- Số dư đầu năm nay	15.165.400.000		2.700.000	(23.457.062)	982.962.548	132.078.270	3.149.842.922	19.409.526.678
- Lợi nhuận tăng trong năm							6.584.769.510	6.584.769.510
- Tăng nguồn do công ty con chuyển bổ sung		3.000.000.000			2.462.650.000			5.462.650.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển (**)					79.777.275		(79.777.275)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)							(795.255.647)	(795.255.647)
- Chi cổ tức 15% đợt 2/2010 (**)							(2.274.810.000)	(2.274.810.000)
- Tạm chia cổ tức 15% đợt 1/2011							(2.274.810.000)	(2.274.810.000)
- Tạm chia cổ tức 10% đợt 2/2011							(1.516.540.000)	(1.516.540.000)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện				(38.473.280)				(38.473.280)
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái				23.457.062				23.457.062
- Số dư cuối năm nay	15.165.400.000	3.000.000.000	2.700.000	(38.473.280)	3.525.389.823	132.078.270	2.793.419.510	24.580.514.323

Ghi chú:

(*) Công ty tạm trích nguồn bảo toàn vốn nhằm bổ sung vốn điều lệ theo kế hoạch sẽ trình phê duyệt tại Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được tổ chức trong năm 2012.

(**) Trích và ghi nhận nghiệp vụ theo Nghị Quyết tại Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được tổ chức trong năm 2011.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm
- Vốn góp của Nhà nước	-
- Vốn góp của Ông Huỳnh Văn Nghi	2.223.100.000
- Vốn góp của Bà Huỳnh Mỹ Linh	1.673.150.000
- Vốn góp của Bà Dương Thị Thu Hồng	1.445.500.000
- Vốn góp của Ông Huỳnh Thanh Vũ	1.475.000.000
- Vốn góp của các cá nhân khác	8.348.650.000
Cộng	15.165.400.000

c. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.516.540	1.516.540
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.516.540	1.516.540
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.516.540	1.516.540
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.516.540	1.516.540
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.516.540	1.516.540
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Quỹ đầu tư phát triển	3.525.389.823	982.962.548
- Quỹ dự phòng tài chính	132.078.270	132.078.270

* Mục đích lập và trích các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển: theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
- Quỹ dự phòng tài chính: dự phòng rủi ro tài chính và bổ sung vốn kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT

282 Nguyễn Hội, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

17. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.613.917.950	36.040.942.709
Trong đó:		
- Doanh thu gia công	41.912.499.498	19.288.350.237
- Doanh thu xuất khẩu trực tiếp		12.697.198.439
- Doanh thu hàng nội địa	701.418.452	4.055.394.033
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.613.917.950	36.040.942.709
- Doanh thu gia công	41.912.499.498	19.288.350.237
- Doanh thu xuất khẩu trực tiếp		12.697.198.439
- Doanh thu hàng nội địa	701.418.452	4.055.394.033

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	926.160.248	29.815.743
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	562.838.896	410.986.744
Cộng	1.488.999.144	440.802.487

19. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	360.657.224	189.111.969
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	194.744.332	167.798.739
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	555.401.556	356.910.708

20. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.982.518.631	2.407.722.915
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	4.619.205	1.694.306
+ Chi phí không hợp lệ	4.619.205	1.694.306
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	7.987.137.836	2.409.417.221
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN	1.996.784.459	602.354.305
Thuế TNDN được giảm 30% theo Nghị quyết 08/2011/QH13	599.035.338	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.397.749.121	602.354.305

205069
CÔNG TY
PHAN THIẾT
H VU TU
HINH KE
KIEM TO
HIA NA
TP. HO

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.584.769.510	1.805.368.610
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.516.540	1.516.540
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.342	1.190

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

22. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. Thông tin bổ sung về các bên liên quan

Đến hết ngày 31/12/2011, Công ty Cổ phần May Phan Thiết có số dư, giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Công ty TNHH May Phú Long - công ty con	Đầu tư vào công ty con	8.000.000.000
	Cho vay dài hạn	8.592.775.412
	Thu quỹ đầu tư phát triển	2.462.650.000
	Thu vốn khác	3.000.000.000

IX. Những thông tin khác

Thông tin so sánh

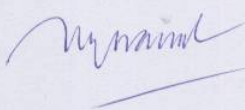
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty AASCS kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập biểu



Trương Thị Lan Chi

Kế toán trưởng



Ngô Thị Nam

Ngày 03 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám Đốc



Huỳnh Văn Nghi